

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 05/01/2022
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đinh Tuấn Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ T1 hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 916/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1036/TB-TA ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T1** – sinh năm: 1951

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, thành phố D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lưu Ngọc T2** – sinh năm: 1966 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực E, phường F, quận G, thành phố D.

Bị đơn: 1/. Ông **Lâm Ngọc B** – sinh năm: 1973 (vắng mặt)

2/. Bà **Huỳnh Ngọc H** – sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu vực H, phường I, quận G, thành phố D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản trình bày ý kiến ngày 03/12/2021 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Ngọc T2 trình bày:

Vợ chồng ông Lâm Ngọc B, bà Huỳnh Ngọc H có vay của bà Nguyễn Thị T1 tổng số tiền là 150.000.000 đồng trong 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 17/8/2015 (ngày 04/7/2015 âm lịch) vay 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ông B có thể chấp cho bà T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03529, cấp cho ông Lâm Ngọc B đứng tên ngày 28/5/2015. Việc vay nợ hai bên có lập thành văn bản viết tay “Hợp đồng vay thế chấp quyền sử dụng đất” ngày 17/8/2015;

- Lần 02: Ngày 16/10/2015 (ngày 04/9/2015 âm lịch) vay thêm 30.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Hợp đồng vay này được viết thêm vào trang sau của tờ “Hợp đồng vay thế chấp quyền sử dụng đất” ngày 17/8/2015.

- Lần 03: Ngày 04/02/2016 (ngày 26/12/2015 âm lịch) vay thêm 50.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Hợp đồng vay này cũng được viết thêm vào trang sau của của tờ “Hợp đồng vay thế chấp quyền sử dụng đất” ngày 17/8/2015.

Quá trình thực hiện, vợ chồng ông B, bà H có đóng tiền lãi đầy đủ đến ngày 04/02/2016, sau đó ngưng trả lãi và gốc cho đến nay. Bà T1 đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả nợ nhưng chỉ hứa hẹn không chịu thanh toán cho nên bà T1 làm đơn khởi kiện yêu cầu ông B, bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền vay: nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/02/2016 đến khi xét xử.

Ý kiến bị đơn bà Huỳnh Ngọc H tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020 trình bày như sau:

Bà Huỳnh Ngọc H thừa nhận vào ngày 04/7/2015 âm lịch, bà cùng chồng là Lâm Ngọc B có vay của bà Nguyễn Thị T1 số tiền 70.000.000 đồng và có thể chấp cho bà T1 quyền sử dụng đất tại thửa 1731, tờ bản đồ số 04, diện tích 218,0m² do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 28/5/2015 cho ông Lâm Ngọc B đứng tên. Đến ngày 04/9/2015 âm lịch, ông B có vay thêm của bà T1 30.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lâm Văn B2 (em ruột ông B) đứng tên. Sau đó, đến ngày 26/12/2015 âm lịch, bà T1 đến nhà vợ chồng ông B, bà H yêu cầu vợ chồng ông bà ký giấy vay nợ tổng cộng là 150.000.000 đồng nhưng thực tế vợ chồng bà chỉ vay khoảng 102.000.000 đồng, còn lại là lãi suất cộng dồn.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà T1, vợ chồng bà cũng đồng ý có trách nhiệm trả số nợ 150.000.000 đồng nhưng hiện hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, ông B bị bệnh lao phổi nặng phải nhập viện điều trị nên yêu cầu bà T1 cho thời gian để vợ chồng bà vay mượn tiền của các anh chị em trả cho bà T1, trường hợp không có khả năng thì bà H sẽ bán tài sản để trả nợ, đồng thời yêu cầu bà T1 không tính lãi thêm.

Đối với ông Lâm Ngọc B theo bà H cho biết đang nhập viện điều trị bệnh lao phổi nặng không đến Tòa được nên Tòa án không ghi nhận được lời khai. Do trong các lần triệu tập sau ông B và bà H vắng mặt nên Tòa án không T1 hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Ngọc T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời có văn bản trình bày ý kiến: vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông B, bà H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay: nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 05/02/2016 đến 05/01/2022 là 59 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 73.455.000 đồng. Vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi yêu cầu thanh toán là 223.455.000 đồng.

Bị đơn ông Lâm Ngọc B, bà Huỳnh Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B và bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T1 tổng số tiền 223.455.000 đồng, trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi 73.455.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ từ hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc các đương sự vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đối với nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 T1 hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020, bị đơn bà H thừa nhận trước đây bà cùng với chồng là Lâm Ngọc B có nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị T1, đến ngày 04/02/2016 (ngày 26/12/2015 âm lịch) thừa nhận còn nợ bà T1 tổng số tiền 150.000.000 đồng và có ký tên vào tờ Biên nhận cam kết đến ngày 26/01/2016 âm lịch sẽ trả đủ số tiền nợ đã vay. Bà H cho rằng vợ chồng bà chỉ vay số tiền khoảng 102.000.000 đồng, Hợp đồng vay là do bà T1 cộng dồn số lãi vào tiền gốc nên thành ra số tiền 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy vấn đề này bị đơn chỉ trình bày miệng chứ không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, trong khi về phía nguyên đơn bà T1 có cung cấp được bản chính “Biên nhận” nợ thể hiện số nợ gốc trong 03 lần vay là 150.000.000 đồng. Ngoài ra, lời thừa nhận của bà Huỳnh Ngọc H tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020 vợ chồng bà cũng đồng ý có trách nhiệm trả số tiền gốc 150.000.000 đồng do đó xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét về yêu cầu tính lãi: đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng lãi được đến ngày 04/02/2016 rồi ngưng cho đến nay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 05/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm 05/01/2022 là 59 tháng, thành tiền 73.455.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Xét về việc ông B có thể chấp cho bà T1 bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ghi nhận trong biên nhận nợ ngày 04/9/2015 âm lịch. Theo quy định pháp luật, bà T1 không phải là tổ chức tín dụng nên không có quyền nhận tài sản đảm bảo thế chấp của người khác, do đó việc thế chấp tài sản giữa bà T1 và ông B là vô hiệu, nghĩ nên buộc bà T1 phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông B bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA431188 và 431192 là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn khi khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 26; 35; 39; 91; 95; 147; 227; 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 357; 463; 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lâm Ngọc B, bà Huỳnh Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền vay: nợ gốc là **150.000.000 đồng** (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và nợ lãi **73.455.000 đồng** (*Bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*). Vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là **223.455.000 đồng** (*Hai trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*). Đồng thời bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông Lâm Ngọc B bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 431188 và 431192.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị đơn chậm trả đối với số tiền trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Ngọc B và bà Huỳnh Ngọc H phải liên đới nộp số tiền **11.172.800 đồng** (*Mười một triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU